TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 16-9-2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**
*Các Hội thẩm nhân dân:***Bà Nguyễn Thị Mùa; Ông Phan Tấn Lãm**
- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Ông Đỗ Văn Hằng** – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*VietinBank*);** Trụ sở: số 108 THĐ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; do ***ông Trần Minh A*** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện theo pháp luật; đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Văn B** – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Phước; Trụ sở chi nhánh: số 622 QL14, phường TP, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; **ông Nguyễn Văn B** ủy quyền lại cho **bà Huỳnh Phan Thị Kim C** – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Phước Bình; Trụ sở giao dịch: khu phố 6, phường LP, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia tố tụng (*có mặt*).

- *Bị đơn:* **Ông Lê Quốc D**, sinh năm 1996; **bà Nguyễn Thị Thúy Đ**, sinh năm 1997; Cùng cư trú tại: Thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Bà Lê Thị Kim E**, sinh năm 1994; **ông Phí Đình F**, sinh năm 1985; cùng cư trú: Thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Vietinbank) là bà Huỳnh Phan Thị Kim C trình bày được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2022, ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị Thúy Đ có ký kết với Ngân hàng Vietinbank tại Phòng giao dịch Phước Bình hợp đồng cho vay số SYNT-096/2022-HĐCV/NHCT504 để vay số tiền là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 11,3%/năm, tiền gốc trả mỗi năm là 200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ và lịch trả nợ gốc lập ngày 29 tháng 6 năm 2022, mục đích vay là để thanh toán chi phí nhận Quyền sử dụng đất ở phục vụ đời sống, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông D, bà Đ. Để bảo đảm khoản vay này ông D, bà Đ và Ngân Hàng VietinBank tại Phòng giao dịch Phước Bình ký kết 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: SYNT-096A/2022/HĐBĐ/NHCT504 ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với Giấy chứng nhận số: DE474198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 24 tháng 6 năm 2022, vào sổ cấp giấy số: CS007328/CN, tại thửa 268; tờ bản đồ số 44, diện tích: 1.935,3 m^2 đứng tên ông Lê Quốc D.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: SYNT-096B/2022-HĐBĐ/NHCT504 ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với Giấy chứng nhận số: CD417889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17 tháng 4 năm 2019, vào sổ cấp giấy số: CS03961/CNTN, tại số thửa 234; tờ bản đồ số 44, diện tích: 1.111,3 m^2 đứng tên ông Phí Đình F và bà Lê Thị Kim E (*bà E là chị ruột của ông D, đồng thời bà E, ông F làm hợp đồng ủy quyền cho ông D thế nhấp QSDĐ để vay tiền*).

Quá trình vay, ông D, bà Đ đã trả tiền lãi từ ngày vay (*ngày 29 tháng 6 năm 2022*) đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2022 với số tiền là 56.975.001 đồng thì ngưng cho đến nay. Số tiền gốc thì ông D, bà Đ chưa trả cho Ngân hàng được một khoảng nào mặc dù Ngân hàng đã thông báo bằng văn bản và trực tiếp đi đòi nhiều lần. Việc ông D, bà Đ không trả nợ gốc theo quy định tại tiết 5.2 của Điều 5 (*cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nợ quá hạn*), tiết 9.2 của Điều 9 (*chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn*) của Hợp đồng cho vay số SYNT-096/2022-HĐCV/NHCT504 ngày 29 tháng 6 năm 2022, Giấy nhận nợ và lịch trả nợ gốc lập ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa Ngân hàng Vietinbank và ông D và Đ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay, bà C đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Tòa Án buộc ông D, bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn đã thỏa thuận tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*30 tháng 9 năm 2022*)

đến ngày xét xử xong vụ án (*16 tháng 9 năm 2024*) là 530.642.568 đồng. Tổng cộng là 2.530.642.568 đồng.

Trường hợp khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông D và bà Đ không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng VietinBank có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm là các Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giấy chứng nhận số: DE474198, CD417889 theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy đinh của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Thúy Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phí Đình F, bà Lê Thị Kim E vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Buộc ông D, bà Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" do nguyên đơn Ngân hàng VietinBank khởi kiện. Bị đơn là ông D, bà Đ có nơi cư trú tại xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt: Bị đơn là ông D, bà Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông F, bà E đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng các ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông D, bà Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông F, bà E vắng mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào hợp đồng cho vay số SYNT-096/2022-HĐCV/NHCT504 đối với số tiền là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 11,3%/năm, tiền gốc trả mỗi năm là 200.000.000 đồng (*theo thỏa thuận tại Giấy nhận nợ và lịch trả nợ gốc lập ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa Ngân hàng Vietinbank và ông D, Đ*), mục đích vay là để thanh toán chi phí nhận Quyền sử dụng đất ở phục vụ đời sống, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông D, bà Đ.

Quá trình vay, ông D, bà Đ chưa trả cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc nào mặc dù Ngân hàng đã thông báo bằng văn bản và trực tiếp đi đòi nhiều lần. Việc ông D, bà Đ không trả nợ gốc theo quy định tại tiết 5.2 của Điều 5 (*cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nợ quá hạn*), tiết 9.2 của Điều 9 (*chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn*) của Hợp đồng cho vay số SYNT-096/2022-HĐCV/NHCT504, Giấy nhận nợ và lịch trả nợ gốc lập ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa Ngân hàng Vietinbank và ông D và Đ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngoài ra, Hợp đồng này còn phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng là bà C trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, HĐXX có cơ sở để khẳng định: Hợp đồng cho vay số SYNT-096/2022-HĐCV/NHCT504 ngày 29 tháng 6 năm 2022 do ông D, bà Đ đã ký kết với Ngân hàng để vay số tiền là 2.000.000.000 đồng là có thật. Do ông D, bà Đ không thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên bà C đại diện cho Ngân hàng VietinBank yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 2.000.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về các khoản tiền lãi, HĐXX xét thấy: Quá trình vay, ông D, bà Đ đã trả tiền lãi từ ngày vay (*ngày 29 tháng 6 năm 2022*) đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2022 với số tiền là 56.975.001 đồng thì ngưng cho đến nay. Cho nên, về phía Ngân hàng yêu cầu ông D, bà Đ phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ lãi cho Ngân hàng các khoản tiền lãi tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2022 (*ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán*) đến ngày 16 tháng 9 năm 2024 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 530.642.568 đồng theo Bản kê tính lãi + gốc lập ngày 16 tháng 9 năm 2024. Xét thấy, yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ, các tài sản được mô tả như sau:

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: SYNT-096A/2022/HĐBĐ/NHCT504 ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với Giấy chứng

nhận số: DE474198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 24 tháng 6 năm 2022, vào sổ cấp giấy số: CS007328/CN, tại thửa 268; tờ bản đồ số 44, diện tích: 1.935,3 m^2 (*trong đó có 400m^2 thổ cư*) đứng tên ông Lê Quốc D. Phần đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường ĐT741; phía tây giáp thửa đất 122; phía nam giáp thửa đất 130; phía bắc giáp thửa đất 234; trên phần đất này có 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2021 với diện tích 100m^2, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay bằng sát, tường xây có tô trát, nền lát gạch men, cửa chính và của phụ làm bằng nhôm, kính; 01 mái hiên xây năm 2023 có diện tích 32 m^2, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay bằng sắt, nền lát xi măng; 01 nhà tắm, nhà vệ sinh xây năm 2021 có diện tích 20m^2, kết cấu tường xây có tô trát, mái lợp tôn, đòn tay bằng sắt, nền lát gạch men; 04 cây xoài; 03 cây vú sửa; 08 cây sầu riêng trồng năm 2019; 01 nhà kho xây năm 2023 có diện tích 12 m^2, kết cấu tường xây, đòn tay gỗ, mái lợp ngói, cửa sắt.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: SYNT-096B/2022-HĐBĐ/NHCT504 ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với Giấy chứng nhận số: CD417889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17 tháng 4 năm 2019, vào sổ cấp giấy số: CS03961/CNTN, tại số thửa 234; tờ bản đồ số 44, diện tích: 1.111,3 m^2 đứng tên ông Phí Đình F và bà Lê Thị Kim E (*bà E là chị ruột của ông D, đồng thời bà E, ông F làm hợp đồng ủy quyền cho ông D để thế nhấp QSDĐ để vay tiền*). Phần đất có tứ cận: Phía đông giáp các thửa đất 185,192; phía tây giáp thửa đất 131; phía nam giáp thửa đất 235; phía bắc giáp thửa đất 122; trên đất có 11 cây sầu riêng trồng năm 2019; 01 cây chanh trồng năm 2020.

Cả hai hợp đồng này đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật nên được công nhận. Cụ thể: Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là các QSDĐ đã thế chấp như đã viện dẫn nêu trên để thu hồi tiền nợ.

[3]Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ là 5.000.000 đồng, ông D, bà Đ phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng số tiền chi phí nêu trên nên bà Đ, ông D có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[4] Đối với lời phát biển của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 157; 158; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117; 119; 293; 295; 298; 318; 319; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Các Điều 90; 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*VietinBank*) về tranh chấp "***hợp đồng tín dụng***".

2. Tuyên xử:

Buộc bị đơn ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tổng số tiền 2.530.642.568 đồng. Trong đó, nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 530.642.568 đồng.

Trường hợp bị đơn ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản gồm:

Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số: DE474198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 24 tháng 6 năm 2022, vào sổ cấp giấy số: CS007328/CN, tại thửa 268; tờ bản đồ số 44, diện tích: 1.935,3 m^2 (*trong đó có 400m^2 thổ cư*) đứng tên ông Lê Quốc D. Phần đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường ĐT741; phía tây giáp thửa đất 122; phía nam giáp thửa đất 130; phía bắc giáp thửa đất 234; trên phần đất này có 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2021 với diện tích 100m^2, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay bằng sát, tường xây có tô trát, nền lát gạch men, cửa chính và của phụ làm bằng nhôm, kính; 01 mái hiên xây năm 2023 có diện tích 32 m^2, kết cấu mái lợp tôn, đòn tay bằng sắt, nền lát xi măng; 01 nhà tắm, nhà vệ sinh xây năm 2021 có diện tích 20m^2, kết cấu tường xây có tô trát, mái lợp tôn, đòn tay bằng sắt, nền lát gạch men; 04 cây xoài; 03 cây vú sửa; 08 cây sầu riêng trồng năm 2019; 01 nhà kho xây năm 2023 có diện tích 12 m^2, kết cấu tường xây, đòn tay gỗ, mái lợp ngói, cửa sắt.

Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số: CD417889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17 tháng 4 năm 2019, vào sổ cấp giấy số: CS03961/CNTN, tại số thửa 234; tờ bản đồ số 44, diện tích: 1.111,3 m^2 đứng tên ông Phí Đình F và bà Lê Thị Kim E (*bà E là chị ruột của ông D, đồng thời bà E, ông F làm hợp đồng ủy quyền cho ông D để thế nhấp QSDĐ để vay tiền*). Phần đất có tứ cận: Phía đông giáp các thửa đất 185,192; phía tây giáp thửa đất 131; phía nam giáp thửa đất 235; phía bắc giáp thửa đất 122; trên đất có 11 cây sầu riêng trồng năm 2019; 01 cây chanh trồng năm 2020.

Sau khi bị đơn ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ giấy tờ về tài sản đã thế chấp như đã viện dẫn.

3 Buộc bị đơn ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ là 5.000.000 đồng.

4 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 82.613.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 37.782.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006616 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5 Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị Kim Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6 Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước*;
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh